TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH QUÁN** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:71/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thúy Nga và bà Nguyễn Thị Quy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 03 năm 2023, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 06 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ái T**, sinh năm 1991

Bị đơn: Anh **Hồ Sỹ Đ**, sinh năm 1988

HKTT: tổ 9, khu phố Hiệp Lực, thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, Đồng Nai.

Chỗ ở: khu 3, ấp 5, xã Phú Ngọc, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn có đơn vắng mặt; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ái T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hồ Sỹ Đ kết hôn tự nguyện, chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn số 195, quyển số 01/2013 ngày 05-11-2013 tại UBND xã Phú Ngọc, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến năm 2023 anh Đ mỗi khi đi nhậu về say kiếm chuyện chửi bới, dùng bạo lực đánh đập chị. Đồng thời mâu thuẫn với bên gia đình chồng không giải quyết được, anh Đ không giữ được hòa khí đôi bên còn gây áp lực dẫn đến cãi nhau. Vì không chịu đựng được nên từ tháng 12/2022 đến nay 02 người không còn sống chung với nhau. Chị nhận thấy tình cảm thương yêu không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

- Về nuôi con chung: có 02 con chung Hồ Nguyễn Quỳnh A1, sinh ngày 27/10/2014 và Hồ Gia K, sinh ngày 19/7/2017. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực

tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đ/02 con chung, như vậy 01 con chung là 1.500.000đ/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 28/3/2023 bị đơn anh Hồ Sỹ Đ trình bày: Về quan hệ hôn nhân anh Đ thừa nhận chị T trình bày là đúng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị T có mâu thuẫn với gia đình chồng nhưng không giải quyết được. Vợ chồng cãi nhau bất hòa và từ tháng 12/2022 đến nay hai vợ chồng không còn chung sống với nhau. Nay chị T cương quyết ly hôn thì anh không đồng ý.

Về nuôi con chung: có 02 con chung gồm: Hồ Nguyễn Quỳnh A1, sinh ngày 27/10/2014 và Hồ Gia K, sinh ngày 19/7/2017. Trường hợp bắt buộc phải ly hôn thì anh đồng ý giao 02 con chung cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đ/02 con chung, như vậy 01 con chung là 1.500.000đ/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Về hôn nhân: Cho chị T được ly hôn với anh Đ. Về con chung: Giao 02 con chung Quỳnh Anh và Gia Khang cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đ/02 con chung, như vậy 01 con chung là 1.500.000đ/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Tài sản chung: tự thỏa thuận, nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Xác định thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Anh Hồ Sỹ Đ có hộ khẩu thường trú tại khu phố Hiệp Lực, thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán. Chị T yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, vì vậy cần xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Xác định tư cách đương sự: Ngày 23/3/2023, Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện về việc chị T xin ly hôn với anh Đ. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị là nguyên đơn, anh Đ là bị đơn trong vụ án.

[1.3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn vắng mặt; Bị đơn anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 195, quyển số 01/2013, ngày 05-11-2013 tại UBND xã Phú Ngọc, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tại bản tự khai ngày 07/4/2023, biên bản ghi lời khai ngày 07/4/2023, biên bản xác minh đề ngày 11/05/2023 thể hiện vợ chồng chị có mâu thuẫn là do anh Đ đi nhậu say về kiếm chuyện chửi bới đánh đập chị T, mâu thuẫn giữa chị T với gia đình chồng không giải quyết được dẫn đến mất hòa khí trong gia đình. Từ tháng 12/2022 đến nay hai người không còn chung sống với nhau. Tòa án đã tống Đ hợp lệ các văn bản tố tụng tại nơi cư trú thì anh Đ đều biết, anh không đồng ý ly hôn nhưng không đến hòa giải, thể hiện thái độ bỏ mặc mạnh ai nấy sống, không quan tâm, không có thiện chí hàn gắn tình cảm đoàn tụ gia đình. Kết quả xác minh thu thập chứng cứ như trên về mâu thuẫn vợ chồng, phù hợp với lời khai của nguyên đơn. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, chị T và anh Đ đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được. Căn cứ Khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận nên cho chị T được ly hôn với anh Đ.

- Về nuôi con chung: có 02 con chung gồm: Hồ Nguyễn Quỳnh A1, sinh ngày 27/10/2014 và Hồ Gia K, sinh ngày 19/7/2017. Tại các biên bản xác minh ngày 11/5/2023 thể hiện chị T làm nghề uốn tóc có mở tiệm với mức thu nhập khoảng 10.000.000đ/ tháng đủ điều kiện nuôi con, anh Đ làm nghề tài xế nhưng công việc không ổn định thường xuyên, con chung Quỳnh Anh có nguyện vọng mong muốn được mẹ nuôi dưỡng. Bên cạnh đó anh Đ cũng đồng ý giao 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đ/02 con chung, như vậy 01 con chung là 1.500.000đ/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Để bảo đảm cuộc sống cho con chung phát triển tốt về mặt thể chất cũng như ổn định vấn đề tinh thần, tâm lý cho trẻ nên tiếp tục giao 02 con chung cho chị T được nuôi dưỡng là có cơ sở. Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 11, Điều 18, Điều 85, Điều 89, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ái T.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ái T được ly hôn với anh Hồ Sỹ Đ.

- Về nuôi con chung: Giao 02 con chung Hồ Nguyễn Quỳnh A1, sinh ngày 27/10/2014 và Hồ Gia K, sinh ngày 19/7/2017 cho chị Nguyễn Thị Ái T được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, anh Đ và chị T có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung:tự thỏa thuận, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ái T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004196 ngày 23/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho chị T và anh Đ biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Lan

Nơi nhận:
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THA DS huyện Định Quán;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Ngọc, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, số 195, quyển số 01/2013, ngày 05/11/2013 để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.